

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3386/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa, tại xã Tịnh Hòa, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ văn bản số 5596/UBND-KTN ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá

Tỉnh Hòa;

Xét Tờ trình số 4449/TTr-SNNPTNT ngày 05/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi (chủ đầu tư) về việc trình phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tỉnh Hòa;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch (kèm theo báo cáo số 2230/BC-TCTS-KHTC ngày 19/12/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tỉnh Hòa, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tỉnh Hòa.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Mục tiêu: Mở rộng khu neo đậu tránh trú bão Tỉnh Hòa đảm bảo cho tàu cá tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận vào neo trú an toàn trong mùa mưa bão, kết hợp với cảng cá Tỉnh Hòa hình thành khu dịch vụ hậu cần nghề cá, góp phần phát triển kinh tế xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế biển của địa phương.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Bến cảng: Tổng công suất phục vụ 25.000 tấn hàng thủy sản/năm.

5.1.1. Bến cảng cá mở rộng: Công suất phục vụ 15.000 tấn hàng thủy sản/năm.

Xây mới 02 khu bến liên bờ có tổng chiều dài tuyến bến là 350m, bề rộng bến 12m, cao độ đáy bến -4,2m, cao độ đỉnh bến +3,2m. Tải trọng khai thác 2,0 tấn/m². Khu nước trước bến có cao độ -4,2m; bề rộng 23m. Bến có kết cấu cứng BTCT trên nền cọc, kè gầm bến bằng đá hộc đỏ; Lắp đặt đệm va tàu cao su, bích neo trên bến. Bao gồm:

- Bến bốc dỡ hàng thủy sản. Chiều dài 250m.
- Bến phục vụ công tác hậu cần. Chiều dài 100m.

5.1.2. Bến cảng cá hiện hữu: Công suất phục vụ 10.000 tấn hàng thủy sản/năm.

Giữ nguyên hiện trạng kết cấu công trình bến; Nâng cấp một số hạng mục để đảm bảo đồng bộ, an toàn vận hành, an toàn vệ sinh thực phẩm, hướng đến cơ giới hóa toàn bộ công tác bốc xếp hàng thủy sản trên cảng (mặt bến, đệm va tàu, bích neo, báo hiệu hàng hải...).

5.3. Khu nước neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Gồm 02 khu vực, tổng số tàu neo đậu 1.500 tàu, bao gồm:

5.3.1. Khu vực neo đậu Tỉnh Hòa hiện hữu neo đậu được 350 tàu đến 300CV (chiều dài tàu L≈30m): Giữ nguyên hiện trạng công trình

5.3.2. Khu vực neo đậu mới bổ sung khoảng 1.150 tàu đến 800CV (L≈12÷40m), xây dựng mới các công trình, gồm:

- Khu nước neo đậu tàu có công suất tàu dưới 90CV ($L \leq 12m$): Diện tích khoảng 14ha; cao độ đáy $-2,4m \div -2,8m$; số lượng tàu neo đậu: 670 tàu; Tàu tự neo.

- Khu nước neo đậu tàu có công suất tàu từ 90CV đến dưới 800CV ($L \approx 12 \div 40m$): Diện tích khoảng 22,3ha (bao gồm các diện tích: neo đậu tàu; khu nước trước bến; luồng và vũng quay tàu); cao độ đáy $-3,2m \div -4,2m$; số lượng tàu neo đậu: 482 tàu; Tàu neo vào trụ hoặc phao neo.

- Công trình neo tàu trú bão bố trí tại khu nước neo đậu tàu từ 90CV đến dưới 800CV ($L \approx 12 \div 40m$): gồm 73 trụ neo và 18 phao neo.

5.3.3. Kè bảo vệ bờ (Xây dựng tại khu cảng mở rộng):

- Kè tại khu vực đậu tàu (kè K1): tổng chiều dài 366m, kè tường đứng, cao độ đỉnh kè $+3,2m$.

- Kè tại khu vực san nền (kè K2): tổng chiều dài 145m, kè mái nghiêng, cao độ đỉnh kè $+3,2m$.

- Kè tôn tạo hoàn trả khu xưởng đóng tàu (kè K3): tổng chiều dài 260m, kè mái nghiêng.

5.4. Tuyến luồng tàu:

5.4.1. Đoạn từ cảng giao thông Sa Kỳ đến cảng cá Tịnh Kỳ: Giữ nguyên chuẩn tắc luồng $B=40m$, cao độ đáy nạo vét $-4,2m$.

5.4.2. Đoạn từ cảng cá Tịnh Kỳ đến cảng cá Tịnh Hòa đang khai thác với chuẩn tắc luồng $B=35m$, cao độ đáy nạo vét $-2,6m$, dài 1,5km: Thiết kế giữ nguyên bề rộng luồng, cao độ đáy nạo vét được nâng cấp lên $-3,2m$.

5.4.3. Đoạn từ cảng cá Tịnh Hòa hiện trạng đến khu vực neo đậu cho tàu $\leq 90CV$: Thiết kế mở tuyến luồng mới với chuẩn tắc $B=20m$, cao độ đáy nạo vét $-2,8m$, chiều dài luồng khoảng 0,4km.

5.5. Hệ thống phao báo hiệu, biển báo hiệu luồng vào cảng/khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá:

Bố trí mới 10 phao báo hiệu luồng và 11 phao báo hiệu khu neo đậu; bố trí lại 01 phao hiện trạng phù hợp thiết kế.

5.6. Các hạng mục công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật cảng cá:

5.6.1. Mái che cầu cảng (phần cảng mở rộng): Được bố trí trên 250m dài của khu bến bốc dỡ hàng thủy sản mới xây dựng, tổng diện tích mái che 3.000m², mái có kết cấu thép, không có tường bao che.

5.6.2. Nhà tiếp nhận và phân loại thủy sản:

- Xây mới nhà phân loại trên khu đất cảng mở rộng: Gồm 02 khối nhà có kết cấu thép được bố trí phía sau khu bến bốc dỡ hàng thủy sản, tổng diện tích 1.700m². Công suất phục vụ cho 70 tấn hàng thủy sản/ngày.

- Nâng cấp nhà phân loại trên cảng cũ: Trên cơ sở công trình đã có, nâng cấp nền, ốp trụ cột, thoát nước để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Quy mô diện tích không thay đổi.

5.6.3. Nhà điều hành: Xây mới nhà điều hành trên khu đất cảng mở rộng, tổng diện tích sàn xây dựng 350m². Công trình 01 tầng, kết cấu BTCT và xây gạch.

5.6.4. Nhà vệ sinh công cộng: Diện tích 62m², phục vụ đồng thời 13 người.

5.6.5. Nhà tập kết chất thải rắn: Diện tích 72m², kết cấu thép.

5.6.6. Hàng rào, cổng, nhà thường trực, nhà để xe (tại khu cảng mở rộng):

- Xây mới hàng rào, tổng chiều dài 719m, kết cấu xây gạch kết hợp BTCT, móng tường rào kết hợp tường chắn đất;
- Cổng chính: Bố trí trên tuyến tường rào tại vị trí đường giao thông ra vào khu đất cảng;
- Nhà thường trực tại cổng chính, diện tích khoảng 10m²; Nhà để xe ô tô, diện tích khoảng 72m²; Nhà để xe 02 bánh, diện tích khoảng 63m².

5.6.7. Xử lý nước thải:

- Hệ thống công thu gom và truyền dẫn nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, truyền dẫn tự chảy; Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là mặt nước sông Bài Ca.
- Trạm xử lý nước thải có công suất xử lý 200m³/ngày đêm, chỉ tiêu nước thải sau xử lý đạt theo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.6.8. Cấp nước sạch:

- Nguồn cấp nước sạch từ tuyến đường ống cấp nước thành phố chạy dọc quốc lộ 24B.
- Nước sạch từ nguồn được cấp vào bể chứa 300m³, nước từ bể chứa qua trạm bơm và mạng đường ống nội cảng đến các điểm tiêu thụ và trụ cấp nước chữa cháy.

5.6.9. Cấp điện, chiếu sáng, thông tin:

- Nguồn điện: Từ lưới điện Quốc gia thông qua tuyến đường dây trung thế 22kV trên không đi qua khu vực Tịnh Hòa.
- Trạm biến áp 400kVA-22/0,4kV.
- Tuyến đường dây trung thế 22kV trên không dài khoảng 418m, từ điểm đầu nối đến trạm biến áp.
- Tuyến đường dây hạ thế nội cảng 0,4kV đi ngầm từ trạm biến áp đến các điểm tiêu thụ điện.
- Chiếu sáng bảo vệ khu đất cảng: Hệ thống cột đèn bằng thép cao 8m.
- Chống sét và tiếp địa cho các công trình.
- Cổng, bể cáp thông tin liên lạc: Đi ngầm trên mặt bằng cảng

5.6.10. Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Lắp đặt đồng bộ hệ thống phòng cháy chữa cháy trên toàn bộ cảng (phần mở rộng và phần hiện có), đảm bảo an toàn phòng cháy theo quy định hiện hành đối với cảng cá.

5.6.11. Đường, bãi (trên khu đất cảng mở rộng):

- Đường sau bến (đường loại I): Tổng chiều dài khoảng 1024m; lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m. Kết cấu mặt đường bê tông XM trên nền cấp phối đá dăm.
- Đường nội bộ cảng, đường kết nối khu cảng (đường loại II): Tổng chiều dài khoảng 470m; lòng đường rộng 7,5m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên nền cấp phối đá dăm.
- Sân bãi: Tổng diện tích khoảng 12.730m². Kết cấu mặt bãi bê tông XM trên

nền cấp phối đá dăm.

5.7. Nạo vét khu nước, luồng tàu:

- Tổng khối lượng nạo vét khoảng 1.065.000m³.
- Bãi chứa chất nạo vét: Khoảng 662.000m³ vật liệu nạo vét được sử dụng để san lấp tạo mặt bằng khu đất cảng mới và khu hậu cần cảng cá, cao độ san lấp +2,8m; Khối lượng còn lại khoảng 403.000m³ vật liệu nạo vét lưu chứa tại các khu vực được UBND Tỉnh chỉ định trong khu vực sau cảng (diện tích đất dự kiến xây dựng khu hậu cần cảng cá theo quy hoạch), cao độ bãi chứa +5,9m.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Cảng – Đường thủy (TEDIPORT).

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất xây dựng công trình:

7.1. Địa điểm xây dựng: Xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7.2. Diện tích đất xây dựng công trình: Khoảng 69,3ha. Trong đó:

7.2.1. Khu neo đậu kết hợp cảng cá Tịnh Hòa đang khai thác:

- Diện tích khu đất cảng khoảng 3ha.
- Diện tích khu nước khoảng 5ha.

7.2.2. Khu neo đậu kết hợp cảng cá Tịnh Hòa mở rộng:

- Diện tích khu đất cảng khoảng 4,7ha.
- Diện tích khu nước khoảng 36,9 ha.
- Diện tích bãi chứa chất nạo vét (quy hoạch là khu dịch vụ hậu cần của cảng tương lai) khoảng 19,71ha.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

8.1. Nhóm dự án: Nhóm B.

8.2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

9.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu áp dụng: tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư: (làm tròn) 460.000.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tỷ đồng).

Bao gồm:

- Chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư:	60.000.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	307.628.740.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	6.602.844.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	3.851.885.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	16.755.361.000 đồng
- Chi phí khác:	8.589.152.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	56.572.018.000 đồng

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm kể từ năm khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý) = 400.000.000.000 đồng, đầu tư cho các hạng mục công trình xây dựng và các chi phí có liên quan.

- Vốn Ngân sách địa phương quản lý = 60.000.000.000 đồng, cho công tác giải phóng mặt bằng và các chi phí có liên quan.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Theo chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng hiện hành.

15. Các nội dung khác:

15.1. Các lưu ý trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Chi tiết/kích thước phao neo và trụ neo tàu; Chi tiết tuyến đường giao thông/tuyến cấp thoát nước; Chi tiết kiến trúc công trình; Chiều dài cọc; Vị trí các cột, hố ga trên tuyến đường dây cáp điện và cấp thoát nước; Việc điều chỉnh thay đổi không làm vượt tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho dự án.

b) Tính toán, lựa chọn tối ưu kết cấu cầu cảng, công trình neo tàu, nhà phân loại, đường giao thông, kè bờ đảm bảo ổn định, kỹ thuật và kinh tế.

c) Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình, phù hợp yêu cầu của quy hoạch xây dựng của địa phương đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

15.2. Đề nghị đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

a) Quy định chi tiết địa điểm, vị trí và khối lượng chất nạo vét được tồn chứa, giải pháp bảo vệ môi trường trong vận chuyển và nội dung quản lý sử dụng và các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc sử dụng khối lượng đất cát từ việc thi công nạo vét khu nước Dự án.

b) Bố trí đủ vốn, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành, đáp ứng tiến độ triển khai của dự án.

c) Tổ chức tiếp nhận quản lý tài sản hình thành từ Dự án, giao đơn vị quản lý sử dụng, khai thác vận hành, tổ chức sản xuất, đảm bảo hiệu quả đầu tư và tính bền vững của dự án sau khi hoàn thành đầu tư.

15.3. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư tập kết chất nạo vét tại bãi chứa trên khu đất dự kiến xây dựng khu dịch vụ hậu cần nghề cá trên địa bàn xã Tịnh Hòa, phải có biện pháp quản lý đối với bãi chứa theo đúng quy định của pháp luật và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo UBND Tỉnh khi chuyển giao cho đơn vị khác để tận dụng khối lượng nạo vét để

san lấp mặt bằng, đồng thời phải tuân thủ các quy định của Luật Khoáng sản trước khi sử dụng.

b) Hiệu chỉnh thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, chi phí thuộc tổng mức đầu tư theo kết quả thẩm định nêu trên.

c) Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình, phù hợp yêu cầu của quy hoạch chi tiết xây dựng Khu neo đậu kết hợp cảng cá Tịnh Hòa đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

d) Công tác, chi phí rà phá bom mìn trong tổng mức đầu tư là tạm tính, chủ đầu tư căn cứ bản đồ ô nhiễm bom mìn, vật nổ trong phạm vi dự kiến xây dựng công trình để đề xuất công tác rà phá bom mìn theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

đ) Xây dựng phương án ứng phó thiên tai, an toàn giao thông thủy, bộ cho công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng.

e) Báo cáo UBND Tỉnh các hoạt động xây dựng tại vị trí, phạm vi dự án để được giám sát, điều phối theo quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường và an toàn giao thông thủy/bộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đơn vị đầu mối thẩm định, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Kho bạc NN tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp